

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Đức Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T - Sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn HS, xã NL, tỉnh TH.

- Bị đơn: Anh Chị Bùi Thị H - Sinh năm 1980

Địa chỉ: Làng M, xã NL, tỉnh TH.

Tại phiên tòa vắng mặt anh T và chị H, anh Phạm Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Bùi Thị H tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NS (nay là xã NL), tỉnh TH vào ngày 07/6/2010, theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống hạnh phúc với nhau được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả

hai vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2018 vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Bùi Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị H, sinh ngày 01/07/2010. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Phạm Thị H cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến tuổi thành niên. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ chị Bùi Thị H để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng chị H không có mặt nên không có lời khai của chị H và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Bùi Thị H không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị H. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị H, sinh ngày 01/07/2010. Đề nghị chấp nhận sự tự nguyện của đương sự và nguyện vọng của con về việc giao nuôi con chung, giao cháu Phạm Thị H cho chị Bùi Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Phạm Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên. Anh Phạm Văn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở. Anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Bùi Thị H. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải đôi thoai thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị Bùi Thị H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Chị Bùi Thị H đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải nhưng chị H không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ chị Bùi Thị H lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng chị H vẫn không có mặt mà không có lý do. Anh Phạm Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định vào các Điều 227, Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã NS (nay là xã NL), tỉnh TH vào ngày 07/6/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, việc này cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập chị H lên làm việc để chị H được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng chị H đều không có mặt, thể hiện chị H có ý bỏ mặc, không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, hơn nữa vợ chồng cũng đã ly thân nhau từ lâu (cuối năm 2018) cho đến nay như vậy hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại. Đến thời điểm hiện tại anh T vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng bế tắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị H.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H có 01 con chung Phạm Thị H; sinh ngày 01/07/2010. Ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu H cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Để không bị xáo trộn cuộc sống của con, xét theo nguyện vọng của cháu H, HĐXX chấp nhận ý kiến của đương sự, giao cháu Phạm Thị H cho chị H được trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh T có nguyện vọng giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu và sự tự nguyện của đương sự là có cơ sở nên được chấp nhận, anh Phạm Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên là hoàn toàn phù hợp với các Điều 82, 83, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Bùi Thị H không trình bày ý kiến về phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39; 147;227; 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải đôi thoại.

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị H.
2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị H; sinh ngày 01/07/2010 cho chị Bùi Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Anh Phạm Văn T được quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Thị H mỗi tháng 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) cho đến khi con đến tuổi thành niên. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 10 năm 2025.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng án phí mà anh T phải chịu là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0007660 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân tỉnh TH.

Anh Phạm Văn T còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh T và chị H. Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã NL;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Phạm Đức Hoàn

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Lê Thị Ngọc

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Kim Bình

Phạm Thị Diệu

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Phạm Đức Hoàn

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Hà Thị Hòa

Phạm Xuân Thành

